

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1790 /QĐ-UBND

Chợ Mới, ngày 20 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện chợ Mới

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025 (gọi tắt là Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg);

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo (gọi tắt là Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH);

Căn cứ Công văn số 2499/LĐTBXH-VPQGGN ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình;

Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Ban hành kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 38/TTr-LĐTBXH ngày 06 tháng 8 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Chợ Mới (Kế hoạch kèm theo)

Điều 2. Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các ban ngành huyện có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai kế hoạch trên tinh thần trách nhiệm, đảm bảo đúng quy trình, đúng đối tượng, chính xác, công khai, dân chủ, có sự tham gia các cấp, các ngành và của người dân; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các ban, ngành huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT: HU, HĐND-UBND huyện;
- Ban ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Minh Dũng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Chợ Mới

(Ban hành kèm theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 20/9/2021)

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Công văn số 2499/LĐTBXH-VPQGGN ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình;

Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Ban hành kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang,

Nhằm đánh giá kết quả thực hiện công tác giảm nghèo năm 2021 và xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2022-2025, UBND huyện xây dựng kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện, với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2021 (theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020) để đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững huyện Chợ Mới năm 2021.



- Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg) để xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025, làm cơ sở xây dựng các chính sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội cho giai đoạn 2022-2025.

- Xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 để làm căn cứ xác định đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mua bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo đúng quy định. Đồng thời có dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và có sự tham gia của người dân, nhằm xác định đúng đối tượng.

- Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực trạng đời sống của nhân dân, tuyệt đối không bỏ sót hộ nghèo, hộ cận nghèo, không chạy theo thành tích làm sai lệch thực trạng nghèo của địa phương, đồng thời đảm bảo tổng hợp báo cáo kết quả đúng tiến độ.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Kế hoạch này quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Chợ Mới.

2. Đối tượng áp dụng

- Hộ gia đình trên phạm vi toàn huyện.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Rà soát, hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2021 (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020):

1.1. Mục đích rà soát

Nhằm đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2021 trên địa bàn huyện.

1.2. Tiêu chí điều tra, rà soát

Thực hiện theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

a) Các tiêu chí về thu nhập

- Chuẩn nghèo: 700.000 đồng/người/tháng tương đương 120 điểm ở khu vực nông thôn; 900.000 đồng/người/tháng tương đương 140 điểm ở khu vực thành thị;

- Chuẩn cận nghèo: 1.000.000 đồng/người/tháng tương đương 150 điểm ở khu vực nông thôn; 1.300.000 đồng/người/tháng tương đương 175 điểm ở khu vực thành thị.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản bao gồm (05 dịch vụ): y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin;

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (10 chỉ số): tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

c) Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho năm 2016-2020

- Hộ nghèo:

+ Hộ nghèo khu vực thành thị là hộ có tổng điểm B1 từ 140 điểm trở xuống (hộ nghèo về thu nhập) hoặc hộ có tổng điểm B1 trên 140 điểm đến 175 điểm và có tổng điểm B2 từ 30 điểm trở lên (hộ nghèo thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản);

+ Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ có tổng điểm B1 từ 120 điểm trở xuống (hộ nghèo về thu nhập) hoặc hộ có tổng điểm B1 trên 120 điểm đến 150 điểm và có tổng điểm B2 từ 30 điểm trở lên (hộ nghèo thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản);

- Hộ cận nghèo:

+ Hộ cận nghèo khu vực thành thị là hộ có tổng điểm B1 trên 140 điểm đến 175 điểm và có tổng điểm B2 dưới 30 điểm;

+ Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có tổng điểm B1 trên 120 điểm đến 150 điểm và có tổng điểm B2 dưới 30 điểm;

- Hộ thoát nghèo, thoát cận cận nghèo:

+ Hộ thoát nghèo khu vực thành thị:

++ Hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo là hộ có tổng điểm B1 trên 175 điểm;

++ Hộ thoát nghèo, nhưng vẫn còn là hộ cận nghèo là hộ có tổng điểm B1 trên 140 điểm đến 175 điểm và có tổng điểm B2 dưới 30 điểm;

+ Hộ thoát nghèo khu vực nông thôn:

++ Hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo là hộ có tổng điểm B1 trên 150 điểm;



+ Hộ thoát nghèo, nhưng vẫn còn là hộ cận nghèo là hộ có tổng điểm B1 trên 120 điểm đến 150 điểm và có tổng điểm B2 dưới 30 điểm;

+ Hộ thoát cận nghèo khu vực thành thị là hộ có tổng điểm B1 trên 175 điểm;

+ Hộ thoát cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có tổng điểm B1 trên 150 điểm.

1.3. Phương pháp

Thực hiện rà soát thông qua các phương pháp đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình để ước lượng thu nhập (trên cơ sở phân tích kết quả thống kê và điều tra mức sống hộ gia đình, thực hiện quy đổi từ mức thu nhập bình quân đầu người trên tháng sang các mức điểm số tương ứng khi thực hiện rà soát và đánh giá tài sản, cụ thể: 700.000 đồng tương đương 120 điểm; 900.000 đồng tương đương 140 điểm; 1.000.000 đồng tương đương 150 điểm; 1.300.000 đồng tương đương 175 điểm) và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy trình tại Chương II và tại Phụ lục số 1a, 1b, 2a, 2b, 2c, 2d, 2đ, 2e, 3a, 3b, 3c, 3d, 4 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.4. Quy trình rà soát

- Thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Thông tư số 17/2016/TT - BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/06/2016.

- Hệ thống mẫu và biểu báo cáo theo quy định Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH.

2. Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP

2.1. Mục đích rà soát

Nhằm xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025, làm cơ sở để xây dựng, thực hiện các chính sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội cho năm 2022 và những năm kế tiếp trên địa bàn tỉnh.

2.2. Tiêu chí điều tra, rà soát

Thực hiện theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo.

định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.

2.3. Phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) *Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:*

- Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

+ Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A): ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng; ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

+ Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

+ Hộ nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực thành thị;

+ Hộ cận nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực thành thị.

b) *Việc rà soát đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và lập danh sách hộ gia đình cần rà soát quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:*

- Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với ấp, rà soát viên lập danh sách và sử dụng Phiếu A theo Phụ lục II và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 tiêu chí (Mã 0) từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát.

- Danh sách hộ gia đình cần rà soát được lập theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

c) *Việc thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:*

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng ấp và rà soát viên sử dụng Phiếu B theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH để thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

d) *Mẫu biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg lập theo Phụ lục V*

ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021.

đ) Mẫu danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát) quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg lập theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021.

e) *Mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:*

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn (nếu có) theo Mẫu số Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ cả năm trên địa bàn theo 11 Mẫu số 7.1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ, hằng năm theo mẫu 7.1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

2.4. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Gồm 02 quy trình:

a) Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm

- *Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát*

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với ấp và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

+ Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát;

+ Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- *Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình*

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng ấp và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

- *Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát*

+ Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng ấp (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ ấp, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

+ Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình.

qua rà soát (*chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo*). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định.

+ Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở ấp, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

- *Niêm yết, thông báo công khai*

+ Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng ấp và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

+ Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng ấp và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

+ Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

- *Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (Thông qua Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội) về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

+ Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản.

- *Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo biểu mẫu quy định.

b) Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm

- Hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên theo quy trình quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Quyết định này: quyết định công nhận hộ nghèo, hộ



cận nghèo hoặc hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định này. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

Việc xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện theo Phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

IV. THỜI ĐIỂM RÀ SOÁT

1. Thời gian rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Định kỳ mỗi năm 01 lần: thực hiện từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.
- Thường xuyên hằng năm: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

2. Thời gian xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

V. HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ:

1. Nội dung:

- Triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững tỉnh An Giang năm 2021 (*Kế hoạch số 992/QĐ-UBND ngày 11/5/2021*).
- Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và định hướng giai đoạn 2021-2025 (*Kết quả đạt được, những thuận lợi, khó khăn, hạn chế và những giải pháp thực hiện trong thời gian tới*).
- Triển khai một số định hướng, chỉ tiêu giảm nghèo giai đoạn 2021-2025.
- Hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.
- Hướng dẫn sử dụng và thu thập thông tin, phỏng vấn các biểu mẫu rà soát.
- Tổng hợp kết quả rà soát.

2. Hình thức triển khai

- Triển khai nghiệp vụ rà soát cho các huyện, xã và điều tra viên bằng văn bản *(do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội triển khai)*

- Tổ chức tập huấn cho từng huyện, thị xã, thành phố hoặc tập trung theo từng lớp tổ chức tại tỉnh *(Sở Lao động – TBXH sẽ có văn bản thông báo sau)*.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 *(theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg)* và tổng rà soát hộ nghèo, cận nghèo *(theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg)* từ nguồn đảm bảo xã hội đã cấp cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2021, nguồn hỗ trợ từ dự án Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác *(nếu có)*.

- Phòng tài chính – Kế hoạch huyện xem xét bổ sung thêm kinh phí từ ngân sách cấp huyện để hỗ trợ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đạt kết quả tốt nhất *(Hỗ trợ thêm kinh phí cho các rà soát viên thực hiện công tác rà soát...)*.

- Kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

VII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2021

- Từ ngày 01/9/2021 đến 10/9/2021 cấp huyện, cấp xã xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn;

- Từ ngày 10/9/2021 đến 30/10/2021 chỉ đạo thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn toàn huyện;

- Từ ngày 30/10/2021 đến ngày 10/11/2021 cấp xã, cấp huyện tổng hợp báo cáo nhanh kết quả rà soát về Ban chỉ đạo rà soát cấp tỉnh *(Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp)*;

- Từ ngày 15/11/2021 đến 30/11/2021 Ban chỉ đạo rà soát xã, thị trấn, hoàn thiện các biểu mẫu báo cáo theo quy định; huyện thẩm định kết quả rà soát, tổng hợp trình UBND huyện phê duyệt kết quả rà soát; báo cáo kết quả rà soát về Ban Chỉ đạo rà soát tỉnh *(Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp)*;

- Từ 16/12/2021 đến ngày 30/12/2021 nhập dữ liệu thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo vào hệ thống dữ liệu quốc gia để quản lý, lập sổ quản lý và làm thủ tục công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2021; lập danh sách cấp bảo hiểm y tế năm 2022 cho các đối tượng đủ điều kiện theo quy định.

Lưu ý: Do năm 2021 vừa thực hiện rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và vừa tổng rà soát hộ nghèo, hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025. Vì vậy, đề nghị UBND xã, thị trấn khẩn trương triển khai thực hiện.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN



1. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội

- Tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

- Tham mưu thành lập Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 tại các huyện, thị xã, thành phố;

- Hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo;

- Nhận tài liệu hướng dẫn, biểu mẫu rà soát từ Sở LĐ.TB&XH tỉnh và phân bổ lại cho cấp xã;

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn;

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định.

- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp xã trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

- Hướng dẫn UBND cấp xã tổ chức thực hiện cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý; Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

2. Phòng Tài chính- Kế hoạch

Phối hợp với Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cân đối nguồn kinh phí chi cho công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí phục vụ cho rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm đảm bảo đúng theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Chi cục Thống kê huyện

Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong quá trình kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của các cấp xã về số hộ dân cư, số nhân khẩu trên địa bàn.

5. Đài truyền thanh huyện:

Chủ trì, phối hợp với ngành có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các ngành và người dân về tầm quan trọng và ý nghĩa của rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2021-2025.

6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn trong việc tổng hợp, báo cáo về hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

7. Các thành viên Ban chỉ đạo của huyện: Căn cứ chức năng nhiệm vụ đơn vị chủ động tham mưu, chỉ đạo cơ sở tổ chức thực hiện, đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện rà soát ở địa phương được phân công.

8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị xã hội.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban MTTQVN xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025. Các tổ chức chính trị xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Hội Nông dân huyện, Huyện đoàn Chợ Mới,...) chủ động, phối hợp với các ngành, UBND cấp xã tuyên truyền, vận động nhân dân và các hội viên tham gia thực hiện tốt và giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

9. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã, thị trấn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Trưởng ban; công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã làm Phó Trưởng Ban Chỉ đạo; công chức được giao nhiệm vụ làm công tác tài chính, y tế, giáo dục, xây dựng, thông tin và truyền thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, các trường áp trên địa bàn và cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội được phân công theo dõi tại xã làm thành viên.

Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

+ Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

+ Tổ chức lực lượng rà soát viên thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

+ Tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn theo quy định.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy



chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về kết quả rà soát nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 Quyết định này.

- Tổ chức xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình khi nhận được giấy đề nghị của hộ gia đình.

- Cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hằng năm. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Lập danh sách quản lý các hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình làm căn cứ xác định đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025. Yêu cầu các thành viên Ban chỉ đạo huyện, Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiêm túc tổ chức thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có những vấn đề vướng mắc phát sinh liên hệ Ban Chỉ đạo huyện (qua Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, điện thoại 02963.883.395), để kịp thời hướng dẫn, nếu vượt quá thẩm quyền báo cáo với UBND tỉnh xem xét giải quyết theo đúng quy định./. 